TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 08/9/2022.
Về việc: "*Tranh chấp về Hụi - Họ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Minh Tâm;

2. Ông Lương Văn Cẩu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 07 và 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, về việc "*Tranh chấp về Hụi - Họ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-DS ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh 1974; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp Đ, xã V, huyện T, An Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp Đ, xã V, huyện T, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn K sinh năm 1978; Ngụ số Tổ 04, ấp Đ, xã V, huyện T, An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Võ Thành G, sinh năm 2008; (vắng mặt)

Do ông Võ Văn T giám hộ đương nhiên (cha ruột)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp Đ, xã V, huyện T, An Giang.

(Bị đơn, đại diện bị đơn vắng mặt khi tuyên án; không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L và lời khai tại phiên toà có nội dung như sau*: Vợ chồng ông Võ Văn T, bà Phan Thị M có làm chủ một số dây hụi tại địa phương nên bà Nguyễn Thị L có tham gia một dây hụi 1.000.000đ, nửa tháng xổ 01 lần, xổ lần đầu tiên vào ngày 25/8/2020 (âm lịch). Khi tham gia thì chủ hụi có giao cho bà L một danh sách hụi gồm có 44 thành viên, trong quá trình tham gia bà L đã đóng được 32 lần (số tiền không nhớ cụ thể nhưng trung bình 850.000đ/lần) với số tiền hụi sống là 32.000.000đ, do đến ngày 17/01/2022 bà Phan Thị M chết nên không ai đi thu tiền và các hụi viên cũng không đóng tiếp tục được.

Nay bà Phan Thị M đã chết nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu chồng là ông Võ Văn T có trách nhiệm trả lại số tiền hụi đã đóng hụi sống được tổng cộng là 32.000.000đ. Do trước đó, bà L đã hốt một dây hụi khác và còn nợ lại số tiền 4.500.000đ nên đồng ý khấu trừ và yêu cầu ông Võ Văn T trả lại số tiền 27.500.000đ.

** Theo bản khai của bị đơn ông Võ Văn T ngày 16/5/2022 và lời khai tại phiên tòa (do ông Đặng Văn K đại diện) có nội dung*: Ông Võ Văn T là chồng bà Phan Thị M và Võ Thành G là con trai duy nhất của ông T. Trước đây, bà Phan Thị M có làm chủ một số dây hụi tại địa phương và có vận động một số hụi viên tham gia chơi hụi để hưởng hoa hồng, tuy nhiên việc xổ hụi và thu hụi thì ông T hoàn toàn không tham gia, do ông T đã có công việc buôn bán riêng tại thị trấn Phú Hòa. Ông Võ Văn T thừa nhận rằng có những lúc bà Phan Thị M bận việc thì có nhờ ông T đi lấy tiền của hụi viên chưa đóng, tiền vay hoặc tiền góp nhưng hoàn toàn không ký tên hoặc thừa nhận nợ hụi của ai. Nay bà Phan Thị M đã chết nên việc chơi hụi giữa các bên ông T không có trách nhiệm, mặc dù tài sản chung của vợ chồng hiện tại ông T đang quản lý, sử dụng.

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu trả số nợ hụi sống (chưa được hốt) 27.500.000đ thì ông Võ Văn T không đồng ý, do không có tham gia nên không chịu trách nhiệm. Nếu bà L có chứng cứ chứng minh ông T đi thu hụi chết của ai sau khi bà Phan Thị M chết thì ông T sẽ trả cho bà L 100.000.000đ mà không phải là 27.500.000đ.

Quan điểm của Viện kiểm sát về quá trình tố tụng của vụ kiện: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền; Trong quá trình tiến hành tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình thu thập chứng cứ thì bị đơn không thừa nhận ký nhận nợ tiền hụi, đồng thời nguyên đơn không chứng minh được bà Phan Thị M làm chủ hụi có nhận và nợ tiền hụi của nguyên đơn như đã trình bày, do đó yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời buộc chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*:

Đây là tranh chấp dân sự về thỏa thuận việc góp Hụi (Họ), căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu và lời thừa nhận của ông Võ Văn T đã thể hiện bà Phan Thị M là vợ và Võ Thành G là con trai của ông T, hiện tại bà M đã chết và cháu Giàu chưa đủ 18 tuổi nên ông Võ Văn T là người giám hộ đương nhiên; Tại phiên tòa ông Võ Văn T vắng mặt nhưng đã có ủy quyền nên căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Nguyên đơn và những người làm chứng là hụi viên thừa nhận mặc dù có danh sách hụi nhưng các hụi viên không có nghĩa vụ phải biết nhau, chỉ mỗi hụi viên và chủ hụi chịu trách nhiệm trực tiếp với nhau, nếu hụi viên đã hốt rồi mà không đóng lại thì chủ hụi có trách nhiệm xuất tiền ra trả cho hụi viên chưa được hốt vì quyền lợi đã được nhận hoa hồng của mỗi hụi viên; Mặt khác, hụi viên xác nhận cũng không biết được những hụi viên nào hốt xong hoặc chưa được hốt chỉ trừ chủ hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để đưa toàn bộ các thành viên theo danh sách hụi vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung:

[2] Theo "Danh sách hụi" do nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cung cấp có nội dung: "Hụi nửa tháng 1.000.000đ, áp ngày 25/8/2020 (âm lịch), hụi khui vào lúc 09 giờ sáng ngày 25 và mùng 10 trong tháng, xổ ngày 25 thì góp tiền ngày 26 và giao tiền ngày 27, xổ mùng 10 thì góp ngày 11 và giao tiền ngày 12, danh sách hụi có 44 phần và tiền thảo cho chủ hụi là 500.000đ; Đồng thời, còn ghi số điện thoại và tên chủ hụi là M"; Ngoài ra, bà L còn cung cấp 04 chứng cứ khác gồm: "1/ Biên nhận ngày 27/01/2022 nội dung ông T có nhận số tiền 16.740.000đ của chị Lương Thị Hạnh; 2/ Biên nhận ngày 28/01/2022 nội dung chị Nguyễn Thị Thúy Liễu có nhận của ông T số tiền hụi 53.920.000đ; 3/ Biên nhận ngày 27/01/2022 nội dung ông T có nhận của chị Võ Thị Tuyết Mai số tiền hụi 8.580.000đ; 4/ Tờ thỏa thuận ngày 01/3/2022 nội dung chị Mai Thị Ánh L thỏa thuận với ông T sẽ trả số tiền hụi còn lại 20 lần cho chị Hằng là hụi viên trong dây hụi". Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thì những chứng cứ này để thể hiện rằng bà L có tham gia chơi hụi do bà Phan Thị M làm chủ, nay bà M đã chết thì ông Võ Văn T là chồng và quản lý tài sản của bà M để lại thì có trách nhiệm trả số nợ chung của vợ chồng với số tiền đã khấu trừ còn lại tổng cộng là 27.500.000đ.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải thì phía bị đơn ông Võ Văn T không thừa nhận có tham gia trong hoạt động xổ Hụi do vợ là bà Phan

Thị M làm chủ, không ký biên nhận với bất kỳ hụi viên nào trong các dây hụi nên không chịu trách nhiệm số nợ hụi của bà Nguyễn Thị L, đồng thời tại phiên tòa đại diện cho ông T không đồng ý trả lại số tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2015 có quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau: "Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Trong trường hợp này, mặc dù ông Võ Văn T không trực tiếp tham gia hoạt động xổ hụi của bà Phan Thị M nhưng ông đã thừa nhận bà M làm chủ hụi tại địa phương và nhiều lần có nhờ ông hỗ trợ đi thu tiền hụi của các hụi viên, trong khi đó tại thời điểm bà Phan Thị M làm chủ hụi là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà M, mục đích làm chủ hụi lấy tiền thảo để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình thì tài sản tạo ra là tài sản chung của vợ chồng, nợ trong giao dịch hụi của bà Phan Thị M cũng là nợ chung của ông Võ Văn T nên khi bà Phan Thị M chết thì ông Võ Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho các hụi viên đã tham gia và chưa được hốt phần hụi đã đóng của từng thành viên.

[4] Tuy nhiên, trong danh sách hụi và 04 chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không có bất kỳ bút tích nào của bà Phan Thị M, đồng thời không có nội dung nào thể hiện rằng nguyên đơn đã đóng hụi cho bà M được tổng cộng 32 lần với số tiền 32.000.000đ. Ngoài ra, theo lời khai của những người làm chứng do bà Nguyễn Thị L cung cấp thì việc đóng hụi và góp hụi giữa chủ hụi và hụi viên chỉ có hai người biết, chủ hụi không có nghĩa vụ thông báo hoặc xác nhận từng hụi viên chưa hốt hoặc còn nợ, đồng thời chỉ có 02 người xác định bà L có đến tham gia xổ hụi, tuy nhiên không xác định được bà L có đóng tiền hụi cho bà M hay không và số nợ giữa các bên thì những người làm chứng hoàn toàn không xác định được. Theo Điều 13 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định: "Khi góp họ, lĩnh họ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có quyền yêu cầu chủ họ hoặc người lập và giữ sổ họ cấp giấy biên nhận về việc đó"; Trong khi đó, ngoài những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp ra thì không còn chứng cứ nào để xác định bà Phan Thị M đã nhận số tiền hụi của bà Nguyễn Thị L được 32 lần với số tiền 32.000.000đ, do đó theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc ông Võ Văn T có trách nhiệm trả lại số tiền hụi sống được hốt là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bà Nguyễn Thị L bị bác toàn bộ yêu cầu nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 13 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Võ Văn T (do ông Đặng Văn K đại diện) trả lại số tiền hụi sống được hốt sau khi khấu trừ còn lại là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Về án phí, lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.375.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp tạm ứng án phí 800.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003134 ngày 27/4/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên bà L phải tiếp tục nộp thêm số tiền 575.000đ.

Báo cho các đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do chính đáng) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND H. Châu Thành (1);
- Chi cục THADS H. Châu Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà